

Số:/QĐ-ĐHQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xử lý cảnh cáo học vụ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

Căn cứ Quyết định số 260/2003/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Quốc tế thuộc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/04/2016 do bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 05 tháng 4 năm 2010 của Giám đốc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các trường đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Giám đốc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng Trường Đại học Quốc tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Quốc tế, ĐHQG-HCM;

Căn cứ Quyết định số 223/QĐ-ĐHQT ngày 20 tháng 8 năm 2008 của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế về việc ban hành Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ - Bậc đại học tại trường Đại học Quốc tế;

Căn cứ Quyết định số 68/QĐ-ĐHQT ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế về việc phân công công tác các thành viên Ban Giám hiệu;

Căn cứ Biên bản số 242/BB-ĐHQT ngày 02 tháng 5 năm 2024 về việc họp xét xử lý học vụ sinh viên trường Đại học Quốc tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo Đại học tại Tờ trình số 168/TTr-ĐTĐH ngày 14 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử lý cảnh cáo học vụ đối với 45 sinh viên (danh sách đính kèm):

- 01 sinh viên có điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp dưới 40 điểm.
- 02 sinh viên có điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp dưới 40 điểm và điểm trung bình tích lũy dưới 35 điểm.
- 42 sinh viên không đóng học phí đúng quy định.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTĐH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Đinh Đức Anh Vũ

ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH CẢNH CÁO HỌC VỤ SINH VIÊN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQT, ngày tháng năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế)

STT	Mã số sinh viên	Họ lót	Tên	ĐTBTL HK trước	ĐTBTL HK	Lỗi cảnh cáo học vụ
1	BAFNIU17028	Lý Duy	Khương	36.0	36.0	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
2	BTBTIU18035	Nguyễn Quang	Chí	33.2	28.9	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
3	ITITIU18195	Phan Khắc	Thiện	29.8	29.1	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35

DANH SÁCH CẢNH CÁO HỌC VỤ SINH VIÊN NỢ HỌC PHÍ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQT, ngày tháng năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế)

STT	Mã số sinh viên	Họ lót	Tên	Học phí nợ cũ	Học phí học kỳ	Học phí đã đóng	Học phí còn nợ
1	BABAIU16232	Nguyễn Thị Hoài	Thương	1.993.602	-	-	1.993.602
2	BTBCIU16018	Lê Thị Thanh	Trà	16.383.840	-	-	16.383.840
3	IEIEIU16013	Đình Hồ	Nhật	13.388.018	-	-	13.388.018
4	IELSIU16037	Lâm Tấn	Thành	19.779.372	-	-	19.779.372
5	ITITIU16032	Võ Hào	Huy	-	4.219.500	-	4.219.500
6	MAMAIU16047	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	25.588.440	-	-	25.588.440
7	MAMAIU16062	Trần Vũ Minh	Vy	20.605.950	-	-	20.605.950
8	BABAWE17213	Nguyễn Quan Thế	Phi	29.369.400	-	-	29.369.400
9	BABAWE17285	Vũ Mai	Phương	9.851.800	-	-	9.851.800
10	BABAWE17473	Lâm Nguyệt	Quế	5.737.840	-	-	5.737.840
11	BEBEIU17022	Đình Hoàng	Sáng	13.559.468	-	-	13.559.468
12	BTBTIU17144	Hà Huy	Biên	18.697.740	-	-	18.697.740
13	BTBTIU17156	Đặng Thị Kim	Sang	16.383.840	-	-	16.383.840
14	BTBTIU17160	Bùi Quốc	Dương	16.115.880	-	-	16.115.880
15	BTFTIU17063	Lê Thị Kim	Ngân	18.791.300	-	-	18.791.300
16	EVEVIU17012	Hồ Quang	Hiên	20.958.064	-	-	20.958.064
17	ENENIU17048	Nguyễn Thảo	Dung	26.664.090	-	-	26.664.090
18	IEIEIU17036	Nguyễn Chánh	Trực	28.670.730	-	-	28.670.730
19	IEIEIU17080	Lê Nguyễn Phương	Quyên	13.653.187	-	-	13.653.187
20	IELSIU17026	Võ Thị Thanh	Hương	13.413.092	-	-	13.413.092
21	MAMAIU17021	Nguyễn Phước Quý	Khiêm	16.484.760	-	-	16.484.760
22	BABAWE18193	Hàng Bội	Kỳ	9.334.800	-	-	9.334.800
23	BABAWE18493	Nguyễn Minh	Khôi	5.812.190	-	-	5.812.190
24	BEBEIU18078	Trần Ngọc Lan	Nhi	-	14.065.000	-	14.065.000
25	BEBEIU18159	Trịnh Bảo	Khanh	26.100.870	-	-	26.100.870
26	BTBCIU18118	Nguyễn Như	Sơn	(622.780)	12.658.500	-	12.035.720
27	BTBTIU18432	Huỳnh Ngọc Phương	Như	17.359.094	-	-	17.359.094
28	BTFTIU18238	Trần Trọng	Nghĩa	-	10.912.500	-	10.912.500
29	CECEIU18032	Thái Hưng	Long	(1.945)	19.012.000	-	19.010.055
30	CECEIU18077	Hồ Sỹ	Trường	13.730.048	-	-	13.730.048

STT	Mã số sinh viên	Họ lót	Tên	Học phí nợ cũ	Học phí học kỳ	Học phí đã đóng	Học phí còn nợ
31	EEACIU18128	Nông Nguyễn Hoàng	Trâm	-	14.065.000	-	14.065.000
32	EEEEIU18127	Vũ Hà	Khanh	-	14.428.750	-	14.428.750
33	BAFNIU18109	Hoàng Trọng Anh	Quân	-	16.878.000	-	16.878.000
34	ENENIU18141	Trần Hoàng	Khanh	922.393	14.065.000	-	14.987.393
35	IEIEIU18084	Trần Tâm	Thi	(40)	15.132.000	-	15.131.960
36	IELSIU18072	Trần Hưng Hải	Long	27.390.500	-	-	27.390.500
37	IELSIU18226	Đào Duy	Lâm	19.108.012	-	-	19.108.012
38	ITDSIU18032	Khổng Minh	Đức	4.763.764	-	-	4.763.764
39	ITITIU18247	Trần Trung	Dũng	-	22.504.000	-	22.504.000
40	ITITWE18034	Nguyễn Thanh	Long	14.176.790	-	-	14.176.790
41	MAMAIU18062	Huỳnh Kim Hoàng	Vân	15.382.680	-	-	15.382.680
42	SESEIU18032	Huỳnh Thanh	Phong	-	23.571.000	-	23.571.000